

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ PHÁT TRIỂN SINH KẾ BỀN VỮNG CỦA NGƯỜI KHMER Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG: NGHIÊN CỨU TẠI TỈNH SÓC TRĂNG

ThS. Vũ Đình Mười
Viện Dân tộc học
Email: vmuoi@yahoo.com

Tóm tắt: Nghèo đói và bất ổn sinh kế là vấn đề đến nay vẫn mang tính thời sự ở tộc người Khmer khu vực đồng bằng sông Cửu Long, dù họ đã nhận được nhiều nỗ lực trợ giúp của Nhà nước và các tổ chức quốc tế. Dưới góc độ Dân tộc học/Nhân học, dựa trên tư liệu nghiên cứu thực địa, bài viết tập trung phân tích làm rõ những nhân tố chính tác động đến sinh kế của các hộ gia đình người Khmer. Kết quả nghiên cứu cho thấy, nông nghiệp độc canh cây lúa, thiếu đất canh tác, trình độ học vấn thấp, kỹ năng lao động phi nông nghiệp hạn chế, ít trải nghiệm và tương tác với bên ngoài, chính sách thiếu hiệu quả, biến đổi khí hậu, ... là những nhân tố chính tác động đến thực trạng nghèo đói và bất ổn sinh kế của người Khmer ở khu vực này. Trên cơ sở đó, tác giả đưa ra một số khuyến nghị, giải pháp và hàm ý chính sách hướng tới phát triển sinh kế bền vững đối với người Khmer ở tỉnh Sóc Trăng nói riêng và đồng bằng sông Cửu Long nói chung.

Từ khóa: Phát triển sinh kế bền vững, Khmer, tỉnh Sóc Trăng, đồng bằng sông Cửu Long.

Abstract: Poverty and livelihood instability persist among the Khmer people in the Mekong Delta, despite considerable support from the State and international organisations. Approaching the issue from the perspective of Ethnology/Anthropology and drawing on fieldwork data, this article focuses on analysing and elucidating the primary factors influencing the livelihoods of Khmer households. Research findings reveal that factors such as rice monoculture, insufficient arable land, low levels of education, limited non-agricultural labour skills, minimal exposure to and interaction with the external world, ineffective policies, and the impacts of climate change are key contributors to the high poverty rates and livelihood instability experienced by the Khmer population in this region. Building on these insights, the author provides recommendations, solutions, and policy implications aimed at fostering sustainable livelihood development for the Khmer in Soc Trang province specifically, and the Mekong Delta at large.

Keywords: Sustainable livelihood development, Khmer, Soc Trang province, Mekong Delta.

Ngày nhận bài: 16/10/2023; ngày gửi phản biện: 2/11/2023; ngày duyệt đăng: 24/11/2023.

Mở đầu

Theo Tổng điều tra dân số năm 2019, người Khmer ở nước ta có 1.319.652 người, phần lớn cư trú ở đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) (với 1.141.241 người, chiếm 86,5%) và tập trung đông nhất tại tỉnh Sóc Trăng (362.029 người) (Tổng cục Thống kê, 2020). Các nghiên cứu gần đây đã đề cập khá nhiều đến tình trạng bất ổn về sinh kế và đói nghèo của người Khmer ở ĐBSCL. Do khó khăn về sinh kế, nhiều hộ gia đình người Khmer vốn dựa chủ yếu vào canh tác nông nghiệp với vai trò chủ đạo của cây lúa nước, nay đã phải tìm kiếm thu nhập từ các hoạt động mưu sinh khác như: di dân lao động làm thuê (chủ yếu lao động chân tay), làm công nhân, dịch vụ, buôn bán nhỏ,... (Ngô Thị Phương Lan, 2013; Vũ Đình Mười, 2017). Dưới góc độ Dân tộc học/Nhân học, dựa trên tư liệu điền dã, bài viết này sẽ tập trung phân tích và làm rõ những nguyên nhân tác động đến hoạt động sinh kế của các hộ gia đình người Khmer ở tỉnh Sóc Trăng. Trên cơ sở đó, tác giả đưa ra một số khuyến nghị, giải pháp và hàm ý chính sách hướng tới phát triển sinh kế bền vững (PTSKBV) cho đồng bào dân tộc Khmer ở tỉnh Sóc Trăng nói riêng và khu vực ĐBSCL nói chung.

Bài viết chủ yếu dựa trên tư liệu định tính thông qua nghiên cứu thực địa tại hai xã Tham Đôn (huyện Mỹ Xuyên) và xã Trung Bình (huyện Trần Đề) vào năm 2018. Trong đó, ấp Trà Mệt (xã Tham Đôn) và ấp Chợ (xã Trung Bình) được chọn là điểm nghiên cứu sâu. Ấp Trà Mệt nằm ở vị trí khá xa trung tâm xã và huyện lỵ, người Khmer ở đây chủ yếu canh tác nông nghiệp trồng trọt. Ấp Chợ nằm ở vị trí giao thông thuận lợi, gần biển và trung tâm xã, huyện, hoạt động sinh kế tương đối đa dạng.

Nghiên cứu này chủ yếu dựa trên tiếp cận Dân tộc học/Nhân học và tiếp cận *sinh kế bền vững*. Qua phỏng vấn sâu và thảo luận nhóm, quan sát tham gia tại các điểm nghiên cứu, tiếp cận Dân tộc học/Nhân học chú trọng đến các yếu tố đặc thù về kinh tế - xã hội của đối tượng nghiên cứu. Tiếp cận *sinh kế bền vững* (Sustainable livelihoods approach) được vận dụng để phân tích nguồn vốn sinh kế, các chiến lược hoặc định hướng sinh kế của các hộ gia đình và những nhân tố khác như tác động của chính sách, rủi ro từ biến đổi khí hậu cũng được làm rõ (Chambers and Conway, 1992; DFID, 1999). Bên cạnh đó, nghiên cứu cũng sử dụng các thông tin từ tổng quan tài liệu, số liệu thống kê từ các sở, ban, ngành, cơ quan có liên quan ở tỉnh Sóc Trăng.

1. Thực trạng sinh kế của người Khmer

Về khái niệm, theo nghĩa đơn giản nhất, sinh kế là cách thức và hoạt động tìm kiếm lương thực, thực phẩm, của cải vật chất nhằm đáp ứng và thỏa mãn nhu cầu của con người (Vũ Đình Mười, Nguyễn Thị Thu Trang, 2022, tr. 17). Nhìn rộng hơn, sinh kế được hiểu là sự kết hợp các nguồn lực, khả năng mà con người có được với những quyết định và hoạt động để kiếm sống cũng như đạt được các mục tiêu và ước nguyện. Sinh kế được coi là bền vững khi có thể đương đầu, vượt qua những áp lực hay cú sốc, duy trì nâng cao khả năng cũng như tài

sản ở hiện tại và tương lai, nhưng không gây ảnh hưởng xấu đến tài nguyên thiên nhiên. Sinh kế được thừa nhận là vấn đề phức hợp và đa chiều kích trong thực tiễn cũng như nghiên cứu (Chambers and Conway, 1992; DFID, 1999; Nguyễn Thị Lan Hương, Chủ biên, 2014).

Cùng với người Việt và người Hoa, người Khmer là một trong những nhóm cư dân có mặt lâu đời ở ĐBSCL. Canh tác nông nghiệp giữ vai trò chủ đạo. Phật giáo Nam Tông (Theravada) là nền tảng cấu thành và chi phối mọi mặt đời sống của đồng bào. Chính vì thế “Cách làm ăn gần như đã hoàn chỉnh rồi, thay đổi đâu là chi tiết nhỏ, có thể làm đảo lộn tất cả, gây đổ vỡ cơ cấu cổ truyền” (Sơn Nam, 1997, tr. 10). Cho đến nay, phần lớn người Khmer chủ yếu sống bằng nghề nông, dù trực tiếp hay gián tiếp (làm thuê trong nông nghiệp). Cũng vì vậy, người Khmer Nam Bộ thường tập trung sinh sống ở khu vực nông thôn. Hiện nay, mặc dù cư trú xen kẽ với người Việt, người Hoa và người Chăm nhưng người Khmer vẫn có xu hướng sống với nhau thành các cụm dân cư riêng mà ở đó hầu hết các hộ gia đình có quan hệ họ hàng thân thuộc, cùng sinh hoạt tôn giáo, tín ngưỡng tại một ngôi chùa Phật giáo (Vũ Đình Mười, 2017).

Về sinh kế, vai trò trung tâm của nông nghiệp gắn với cây lúa nước trong đời sống cổ truyền của người Khmer được phản ánh trên rất nhiều phương diện. Trong đó đất đai, đặc biệt là đất ruộng, có vị trí đặc biệt vì nó không chỉ là tư liệu sản xuất nền tảng của các nông hộ mà còn là tài sản cơ bản, tiêu chí để phân biệt giàu nghèo và biểu hiện quyền lực trong cộng đồng phum sóc Khmer nói chung. Tầm quan trọng của nông nghiệp, nhất là cây lúa, còn được phản ánh rõ nét qua tập quán cư trú, tín ngưỡng, nghi lễ và tri thức địa phương của người Khmer (Vũ Đình Mười, 2017). Vài thập kỷ trở lại đây, canh tác lúa của người Khmer đã có những biến đổi căn bản. Sự phát triển và hoàn thiện không ngừng của mạng lưới kênh mương, cùng với việc sử dụng nhiều loại giống mới, cơ giới hóa (cày bừa, bơm nước, tuốt lúa bằng máy móc cơ khí đã trở nên phổ biến), phân bón, thuốc trừ sâu diệt bệnh,... đã tạo ra những thay đổi lớn trong hoạt động canh tác lúa của đồng bào như: rút ngắn thời vụ, tăng diện tích trồng lúa hai vụ, thậm chí ba vụ nhất là khu vực nội địa, tăng năng suất lúa,... (Ngô Thị Phương Lan, 2013, tr. 33-39). Tuy vậy, việc thâm canh tăng vụ cũng làm cho đất đai dễ bị kiệt màu. Cùng với đó, chi phí đầu vào như phân bón, thuốc trừ sâu, giống... tăng lên, trong khi đó năng suất lúa và giá cả thất thường đã làm cho việc canh tác lúa nước của nhiều nông hộ Khmer gặp không ít khó khăn (Vũ Đình Mười, 2017).

Trước đây, trâu bò từng được nuôi nhiều để phục vụ sức kéo, nhưng những năm gần đây số lượng đã giảm xuống do cơ khí hóa nông nghiệp, thiếu đất trồng cỏ, khó khăn về nơi chăn thả khiến phần lớn ruộng lúa, bãi chăn trước đây được chuyển thành đầm nuôi tôm và đất canh tác rau màu. Chăn nuôi lợn, gia cầm, cá chủ yếu phục vụ nhu cầu trong gia đình. Hoạt động săn bắt hái lượm vốn có vai trò quan trọng nhưng hiện nay nguồn lợi từ hoạt động này ngày càng giảm do sự gia tăng dân số, kỹ thuật đánh bắt, sự thu hẹp các khu vực hoang hóa, diện tích rừng và sự xuống cấp của môi trường sinh thái nói chung. Hoạt động thủ công

ng nghiệp của người Khmer chỉ mang tính chất gia đình, phục vụ cho đời sống sinh hoạt hằng ngày. Mặc dù buôn bán dịch vụ được coi là nhân tố thúc đẩy sự phát triển kinh tế, nhưng hoạt động này ở người Khmer nhìn chung rất hạn chế. Khác với người Việt và người Hoa, người Khmer sống theo luân lý đạo Phật nên việc buôn bán gắn với bon chen hơn thiết thường ít được đồng bào coi trọng (Vũ Đình Mười, 2017). Nghiên cứu của chúng tôi về người Khmer tại Sóc Trăng cũng phản ánh các đặc trưng nêu trên.

Kết quả khảo sát tại ấp Trà Mệt, xã Tham Đôn (huyện Mỹ Xuyên) cho thấy, trước đây người Khmer trồng lúa làm lương thực tự cung tự cấp, nay chủ yếu để bán. Tuy nhiên, theo bà con, canh tác lúa thường vất vả, chi phí đầu vào lớn như: thuê nhân công, máy móc, giống, phân bón, thuốc diệt trừ sâu bệnh và diệt cỏ,... nhưng lợi tức thu được thường thấp so với các hoạt động sinh kế khác. Ước tính trong điều kiện bình thường, trung bình một công đất (tương đương 1.000m²) trồng lúa chỉ lãi khoảng 1,5 - 2 triệu đồng/vụ; mức thu nhập không bằng đi làm thuê. Những năm gần đây, khí hậu thời tiết thất thường, lũ lụt, hạn hán, đất nhiễm mặn, nhiễm phèn, dịch bệnh,... diễn ra liên tiếp cũng là nguyên nhân khiến canh tác lúa ngày càng khó khăn; nguy cơ mất mùa, thua lỗ luôn hiện hữu. Rủi ro này tác động mạnh nhất đến những hộ ít đất, vốn đầu tư eo hẹp, phải mua chịu các loại vật tư nông nghiệp, khi mất mùa họ buộc phải cầm cố, sang nhượng lại đất canh tác.

Do trồng lúa chịu nhiều rủi ro, hiện nhiều hộ Khmer ở xã Tham Đôn đã chuyển đổi đất trồng lúa sang trồng rau màu (rau xanh, hành họ, đậu bắp, rau cải...) vì loại hình canh tác này có hiệu quả hơn. Chi phí trung bình cho việc chuyển đổi một công đất là khoảng 5 triệu đồng. Ấp Chợ có 213ha đất trồng lúa hai vụ nhưng hiện chỉ có khoảng 10 hộ Khmer làm ruộng và một vài hộ nuôi tôm. Qua phỏng vấn lãnh đạo ấp cho biết, hầu hết đất canh tác đã đem bán, cầm cố, chuyển nhượng và cho thuê do túng thiếu, canh tác nuôi trồng không hiệu quả. Hiện những hộ Khmer còn đất canh tác đều là những hộ khá giả. Vì vậy, nguồn lương thực chính của người dân tại ấp Chợ được mua ngoài cửa hàng bằng tiền làm thuê, tiền bán thủy sản hoặc tiền người thân di cư lao động gửi về.

Trong khi hoạt động trồng trọt gặp nhiều khó khăn, các hoạt động sinh kế khác cũng gặp không ít thách thức. Qua phỏng vấn người dân tại ấp Chợ cho thấy, hoạt động nuôi trồng thủy sản của người Khmer trước đây hạn chế vì họ khai thác được nguồn lợi này từ tự nhiên rất dồi dào. Những năm gần đây, do tình trạng khai thác tận diệt, ô nhiễm môi trường dẫn đến nguồn thủy hải sản tự nhiên suy giảm mạnh, nên việc nuôi trồng thủy hải sản được quan tâm hơn và mang lại lợi nhuận lớn. Tuy vậy, số lượng hộ Khmer tham gia nuôi trồng thủy hải sản không nhiều do thiếu vốn, kỹ thuật nuôi trồng và diện tích mặt nước. Bên cạnh đó, người Khmer ở địa phương phần lớn nuôi theo lối quảng canh (nuôi thả tự nhiên từ 3 đến 5 tháng, ít cho ăn và quan tâm đến phòng trừ bệnh). Thói quen canh tác này làm cho nhiều đầm tôm bị nhiễm bệnh, tôm chết và gây thất thu.

Trong bối cảnh đó, nhiều hộ gia đình người Khmer làm nông nghiệp thuần túy, kể cả hộ nghèo và hộ gặp khó khăn trong canh tác nông nghiệp đã buộc phải tìm cách thức khác để mưu sinh như: lao động làm thuê, khai thác các nguồn lợi tự nhiên ven biển, buôn bán nhỏ,... Các hoạt động sinh kế này ngày càng trở nên quan trọng trong đời sống của họ. Mức độ, vị trí vai trò của từng hoạt động sinh kế nêu trên phụ thuộc vào điều kiện cụ thể ở từng địa phương.

Lao động làm thuê trở thành hoạt động mưu sinh thay thế hoặc bổ sung thu nhập cho canh tác nông nghiệp và trở nên quan trọng nhất đối với nhiều hộ gia đình người Khmer ở ĐBSCL, kể từ những hộ thuần nông nhưng không có đất canh tác hay hộ ít đất, canh tác nông nghiệp không đủ đáp ứng chi phí sinh hoạt ngày càng gia tăng. Từ sau năm 1986, hoạt động này ngày càng phổ biến. Gần đây, một bộ phận không nhỏ người Khmer do thiếu đói, nợ nần, mùa màng thất bát đã phải cầm cố, cho thuê, bán ruộng đất chuyển sang làm thuê như một nghề chính. Nếu như trước kia họ chỉ làm thuê hàng ngày ở địa phương và khu vực lân cận, nay nhiều người còn đi làm thuê ở các khu vực xa, các trung tâm kinh tế, đô thị lớn như thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Tây Nguyên. Ở khu vực giáp biên giới như An Giang, Kiên Giang, nhiều người Khmer còn di cư sang Campuchia làm thuê. Công việc làm thuê rất đa dạng nhưng chủ yếu vẫn là lao động chân tay như: làm cho các trang trại trồng cây công nghiệp, phụ giúp quán ăn, phụ hồ, làm giúp việc,... do người làm thuê thiếu kỹ năng ngành nghề phi nông nghiệp và không có bằng cấp. Một điều đáng chú ý là ở ĐBSCL những năm gần đây, số lượng người đi làm thuê xa nhà ngày càng tăng, nhiều cộng đồng người Khmer ở nông thôn, người ở lại chủ yếu là người già và trẻ em. Thêm vào đó, do việc học hành tốn kém, học xong khó xin việc, trẻ em Khmer thường bỏ học sớm để đi làm thuê, dẫn đến xu hướng trẻ hóa lực lượng di cư lao động. Bên cạnh lao động làm thuê chân tay, cũng có một số ít người Khmer, nhất là phụ nữ làm công nhân trong các nhà máy, công ty may mặc, chế biến thủy sản (Vũ Đình Mười, 2017; Ngô Thị Phương Lan, 2013). Theo thống kê sơ bộ ở các điểm nghiên cứu, số hộ Khmer có người đi làm thuê chiếm từ 20% - 30% tổng số hộ. Tại ấp Chợ, có tới 197/297 hộ gia đình (chiếm khoảng 66%) có người đi làm thuê lao động phổ thông (bao gồm cả làm thuê ở trong và ngoại tỉnh). Lao động làm thuê xa chủ yếu là người trẻ, có sức khỏe, trong đó có khoảng 40 hộ di cư lao động làm thuê mang theo toàn bộ gia đình.

Khai thác các nguồn lợi tự nhiên ven biển cũng là một trong những hoạt động sinh kế bổ sung và ngày càng có vai trò quan trọng đối với các hộ gia đình người Khmer nghèo ở khu vực ven biển và các cửa sông. Trong đời sống cổ truyền, hoạt động săn bắt xuất phát từ nhu cầu thực phẩm hàng ngày và bổ sung nguồn thu nhập. Săn bắt, trước hết phải kể đến hoạt động đánh bắt các loại thủy sản như cá, tôm, cua, ốc,... vốn có sẵn trong tự nhiên và dễ kiếm nhất ở ĐBSCL. Trước kia ở khu vực này tôm cá nhiều vô kể, nhất là vào mùa khô khi mực nước ở các con kênh, rạch, ô trũng, ruộng lúa,... cạn gần hết. “Nhiều địa cá xa đường qua lại, cá nổi lên như quả mù u chín rụng, nhưng chẳng ai khai thác. Gặp năm sứt giá, tát nước bắt cá, khiêng cá đến bến nước thì tốn kém lỗ tiền công” (Sơn Nam, 1997, tr. 37).

Tại ấp Chợ, việc khai thác các loại thủy hải sản ven bờ và khu vực rừng phòng hộ (669ha rừng phòng hộ do xã Trung Bình quản lý) có ý nghĩa quan trọng đối với hộ gia đình nghèo người Khmer. Khai thác tại rừng phòng hộ thường theo lịch nước ngày và đêm (mỗi tháng có 15 ngày theo con nước ngày và 24 ngày theo con nước đêm), như vậy mỗi năm có thể khai thác thủy sản tại khu rừng phòng hộ là 225 ngày, tương đương 7,5 tháng/năm. Tại ấp Chợ có 287/297 hộ tham gia hoạt động khai thác này, nguồn thu mang lại bình quân 100.000 đồng/người/ngày. Từ nguồn thu nhập, thời gian và số hộ tham gia khai thác nguồn lợi ở khu vực rừng phòng hộ cho thấy hoạt động khai thác này hiện đã và đang là nguồn sinh kế thay thế, bổ sung quan trọng cho hầu hết các hộ trong ấp.

Buôn bán và dịch vụ là hoạt động sinh kế đang ngày càng được mở rộng hơn. Trước kia, ngay cả đối với những hộ gia đình người Khmer sống ở các khu vực đô thị, thị trấn rất ít hộ tham gia trao đổi buôn bán kiếm lời. Họ thường chỉ bán những sản phẩm dư thừa và mua những nhu yếu phẩm cần thiết cho gia đình thông qua các thương lái người Hoa hay người Việt. Gần đây đã xuất hiện một số hộ gia đình Khmer làm dịch vụ và buôn bán nhỏ như xay xát, sửa chữa xe máy, điện tử, tạp hóa, đồ ăn, rau củ quả,... (Vũ Đình Mười, 2017). Tại các điểm nghiên cứu, nhất là ở nơi gần trục giao thông chính, chợ và trung tâm xã, huyện, hoạt động kinh doanh buôn bán, dịch vụ của người Khmer đang có chiều hướng gia tăng, phát triển và mở rộng, góp phần đem lại nguồn thu nhập cho cộng đồng người Khmer. Như ấp Chợ, nơi gần chợ của xã, trục lộ giao thông lớn, hiện có khoảng 30 hộ người Khmer kinh doanh buôn bán, trong đó 8 hộ có cửa hàng và 3 hộ sống bằng nguồn thu nhập từ buôn bán, kinh doanh. Số còn lại do thiếu vốn và kinh nghiệm nên chủ yếu buôn bán nhỏ lẻ, kết hợp giữa kinh doanh với làm thuê, khai thác thủy hải sản ven bờ. Ngoài ra, có nhiều hộ mở quán nhỏ bán đồ ăn vặt, giải khát và rau củ quả. Như vậy, buôn bán và dịch vụ cũng là một trong những hoạt động sinh kế mới manh nha phát triển, nhưng ngày càng thể hiện vị trí và vai trò trong cơ cấu thu nhập của một bộ phận người Khmer hiện nay trước sự sa sút thu nhập từ nông nghiệp.

2. Một số nhân tố chính tác động đến sinh kế bền vững của người Khmer

- Về chính sách, chương trình dự án phát triển

Trong những năm qua, tỉnh Sóc Trăng đã triển khai hàng loạt các chính sách, chương trình, dự án trên nhiều lĩnh vực khác nhau về kinh tế, xã hội (có các chương trình, chính sách lớn áp dụng trên phạm vi cả nước và chính sách đặc thù),... Có thể nói, dù trực tiếp hay gián tiếp, các chính sách này đều hướng tới phát triển, nâng cao đời sống, nhất là về sinh kế cho đồng bào Khmer nói riêng và tác động sâu sắc đến diện mạo kinh tế - xã hội của tỉnh nói chung. Thành quả của các chính sách này thể hiện rõ nhất qua cơ sở hạ tầng - đường sá, hệ thống thủy lợi, điện, trường học, trạm xá và bệnh viện, hệ thống chợ, nhà ở, nước sinh hoạt.

Tuy nhiên, hiệu quả và tác động của các chính sách này là khác nhau. Bên cạnh những hạn chế vĩ mô khi áp dụng chung trên phạm vi rộng có phù hợp với đặc thù của địa phương

hay không, mức độ nguồn lực, tính kịp thời, các văn bản thông tư hướng dẫn về cách thức tổ chức quản lý ở các cấp, hạn mức, đối tượng hưởng lợi,... còn phụ thuộc vào khả năng, năng lực tổ chức thực hiện, quản lý và giám sát của các sở, ban ngành địa phương và đặc biệt là khả năng tiếp nhận của các đối tượng thụ hưởng cụ thể. Đánh giá chung từ sở, ban ngành địa phương cho thấy, các chính sách, nhất là các chương trình, dự án phát triển nói trên đang có hiệu quả, góp phần quyết định đến sự phát triển kinh tế, xã hội và văn hóa ở địa phương nói chung. Tuy nhiên, những chính sách hướng đến nâng cao đời sống của người nghèo còn có nhiều hạn chế và thách thức đặt ra.

Đơn cử như chương trình vay vốn ưu đãi cho hộ Khmer nghèo với nhiều hạng mục khác nhau: vốn vay sản xuất kinh doanh (nuôi bò, lợn, gà vịt, thủy hải sản, buôn bán), mua và chuộc lại đất sản xuất và đất ở, vốn vay để xóa nhà tạm, vốn cho nước sinh hoạt phân tán, vốn cho học sinh sinh viên hộ nghèo đi học... Trước hết, về phát triển sản xuất, phần lớn người Khmer nghèo không có ruộng đất để canh tác, không có kỹ năng lao động phi nông nghiệp như buôn bán, dịch vụ, ngành nghề, nên nhiều hộ không dám vay vì sợ không biết sử dụng đồng vốn như thế nào, sợ không trả được nợ. Thêm vào đó, do phân đông hộ Khmer nghèo thường xuyên đi làm thuê, di dân theo mùa vụ nên điều kiện để tiếp cận các nguồn vốn của họ và việc quản lý, sử dụng các nguồn vốn này rất khó khăn. Bên cạnh đó, trước đây có khá nhiều hộ nghèo vay vốn để phát triển sản xuất nhưng thua lỗ, chi tiêu vào sinh hoạt, không có khả năng trả. Theo số liệu thống kê của ấp Chợ tại thời điểm nghiên cứu, số hộ vay theo diện nghèo những năm trước đây không có khả năng hoàn trả vốn vay lên đến 80%. Mặc dù đã được khoan nợ, miễn giảm vốn vay nhưng hệ lụy của nó khá lớn. Những hộ này thường bị gạt ra khỏi diện vay vốn tiếp theo, những kênh vay khác, hoặc nguồn vốn có ưu đãi tốt hơn vì các tổ chức tín dụng cũng như chính quyền địa phương sợ họ lại tiếp tục không trả được. Điều đó cũng dẫn đến tâm lý e ngại thiếu tự tin của những hộ này. Mặt khác, do số lượng người nghèo vay không hoàn vốn cao, vì lý do an toàn tài chính, các tổ chức tín dụng ngày càng siết chặt hơn quy trình cho vay, khiến cho việc tiếp cận vốn tín dụng cho người nghèo khó khăn hơn. Điều này lý giải tại sao nhiều người Khmer nghèo ở địa phương thường vay ngoài thị trường tự do mặc dù lãi suất cao hơn nhiều.

- Về biến đổi khí hậu và thiên tai

Thời gian vừa qua, ĐBSCL đã và đang phải đối mặt với những diễn biến cực đoan do biến đổi khí hậu như: mực nước biển dâng cao, triều cường, xâm mặn; cường độ nắng mưa cao gây hạn hán, lóng phèn, ngập lụt ở nhiều địa phương cùng với hiện tượng chuyển mùa thất thường (Phạm Thị Cẩm Vân, 2018; Nguyễn Công Thảo, 2019). Đây là những yếu tố tự nhiên hiện hữu, gây rất nhiều khó khăn cho phát triển sản xuất, nhất là trồng trọt và chăn nuôi thủy hải sản và đời sống sinh hoạt của người dân, trong đó có người Khmer. Theo kịch bản biến đổi khí hậu, nước biển dâng, Sóc Trăng là một trong năm tỉnh chịu ảnh hưởng nặng nề nhất, nếu mực nước biển dâng cao 1m vào năm 2100, sẽ bị ngập đến 45% diện tích tự nhiên khi triều thấp và trên 72% diện tích tự nhiên khi triều cao (Bộ Tài Nguyên và Môi trường, 2016).

Sóc Trăng là tỉnh ven biển, nằm ở cửa Nam sông Hậu, gần các cửa sông lớn đổ ra biển nên tình trạng xâm nhập mặn thường xuyên xảy ra. Theo thông tin từ chính quyền địa phương, trong những năm gần đây, tình trạng xâm nhập mặn sâu hơn vào nội đồng ngày càng tăng. Năm 2016, huyện Trần Đề có diện tích lúa, rau màu do ảnh hưởng nước mặn xâm nhập là 3.644,22 ha (khoảng 2.990 hộ chịu tác động); riêng xã Trung Bình có 644,8 ha đất bị xâm nhập mặn và hiện tượng này đang có xu hướng gia tăng.

- Về biến động thị trường

Sóc Trăng là một tỉnh ven biển, có vị trí thuận lợi, giao thông phát triển, tiềm năng và tài nguyên nông nghiệp, tài nguyên biển phong phú là những lợi thế lớn cho phát triển các sản phẩm nông, lâm, ngư nghiệp. Tuy nhiên, biến động giá cả thị trường lại tác động lớn đến đời sống kinh tế của người dân nhất là những hộ nghèo, làm ăn cá thể, tự phát. Trên địa bàn tỉnh, trừ số ít địa phương thực hiện các mô hình sản xuất như trồng lúa - nuôi tôm, chăn nuôi bò sữa được tổ chức và đầu tư bài bản từ đầu vào (hỗ trợ giống, phân bón, vật tư, kỹ thuật, thông tin thời vụ), đến đầu ra (bao tiêu sản phẩm), còn lại phần lớn đều sản xuất tự phát, thiếu định hướng.

Biến động giá cả, trượt giá vật tư sản xuất như cây con giống, thức ăn chăn nuôi, phân bón, thuốc diệt trừ sâu bệnh/cỏ, thuốc phòng và chữa bệnh vật nuôi; chất lượng, nguồn gốc của các loại vật tư này vốn tràn lan trên thị trường, khó kiểm soát; giá nhân công ngày càng tăng,... khiến chi phí sản xuất tăng, thu nhập giảm là những nhân tố quan trọng tác động mạnh đến sản xuất nông nghiệp của người Khmer nói riêng. Hiện nay phần lớn các hộ sản xuất nông ngư nghiệp trên địa bàn tỉnh phải thuê nhân công trong một số công đoạn canh tác như làm đất, đào đất, cấy, làm cỏ, gặt,...

Biến động về giá cả đầu ra của sản phẩm cũng là vấn đề lớn trong sản xuất ở địa phương. Do phần lớn các hộ sản xuất tự phát, thiếu định hướng, tổ chức, liên kết nên giá cả các sản phẩm làm ra phụ thuộc vào thị trường tại thời điểm thu hoạch. Cũng giống như nhiều địa phương khác ở ĐBSCL, khi một sản phẩm nào đó bán được giá, bà con ồ ạt đầu tư sản xuất khiến cho cung vượt quá cầu, bị tư thương ép giá, khiến cho hiệu quả sản xuất thấp, có lúc không đủ bù cho chi phí. Ví dụ như trường hợp ở huyện Vĩnh Châu, vùng trọng điểm trồng hành tím của tỉnh, đầu năm 2018 bà con được mùa hành nhưng rớt giá, từ trung bình 25.000 đồng/kg giảm xuống chỉ còn 6.000 đồng/kg. Nhiều hộ gia đình bị thua lỗ nặng nề. Mặc dù không bị tác động nặng nề như hành tím, giá cả các sản phẩm như lúa, họ, hành, rau xanh... của người dân tại hai điểm nghiên cứu cũng hoàn toàn phụ thuộc vào tư thương.

- Về nguồn lực con người

Trình độ học vấn, chuyên môn kỹ thuật, kỹ năng, sức khỏe, khả năng lao động, tri thức địa phương,... hay còn gọi là vốn nhân lực gồm các yếu tố liên quan đến đặc điểm cá nhân của con người với tư cách là nguồn lao động xã hội có vai trò quan trọng, quyết định khả năng của

một cá nhân và hộ gia đình trong sử dụng và quản lý các nguồn vốn khác. Vốn con người được đề cập ở đây là các kỹ năng, kiến thức của người lao động.

Trong những năm qua, việc phát triển nguồn nhân lực có những thuận lợi là sự quan tâm sâu sắc của chính quyền địa phương đã tạo điều kiện phát triển các nguồn lực trong cộng đồng qua giáo dục, đào tạo, nhất là ở các cấp tiểu học, trung học cơ sở và phổ thông; xây dựng đề án đào tạo nghề cho thanh thiếu niên là người dân tộc thiểu số nghèo có nhu cầu đào tạo nghề và chuyển đổi ngành nghề theo sở trường, kể cả xuất khẩu lao động,... Tuy nhiên, vẫn còn nhiều hạn chế, đó là sự phối hợp chưa thống nhất và đồng bộ trong triển khai thực hiện chính sách một cách có hiệu quả nhất, đặc biệt là trong chuyển đổi đào tạo nghề cho thanh thiếu niên đồng bào Khmer trong vùng làm ảnh hưởng tới việc giải quyết đồng bộ lao động có việc làm; cơ sở vật chất trang thiết bị phục vụ cho dạy và học chưa thật sự đáp ứng được những yêu cầu tối thiểu cần thiết như: thiếu vật dụng, trang thiết bị cần thiết, bố trí thời gian thực hành còn khiêm tốn chưa đảm bảo tính nhuần nhuyễn tay nghề để tự giải quyết tìm việc làm ổn định,... Nhiều văn bản hướng dẫn của bộ ngành Trung ương chưa tập trung thống nhất và cụ thể hóa theo từng vùng miền dẫn đến việc thực hiện của địa phương thường bị động, không đạt yêu cầu về thời gian do chưa phù hợp với đặc thù của từng tộc người trên địa bàn. Thêm vào đó, cơ sở thu hút nguồn lao động qua đào tạo chưa có chính sách riêng. Quan điểm, định hướng mục tiêu, giải pháp phát triển nguồn nhân lực vùng dân tộc thiểu số của địa phương còn chưa rõ ràng và phù hợp.

Một số nghiên cứu về sinh kế của người Khmer chỉ ra rằng, cho đến nay, đại bộ phận dân cư trong độ tuổi lao động là lao động phổ thông, lao động tay chân đơn giản, trình độ học vấn và tay nghề thấp, do đó họ thường làm các công việc với mức lương không cao (Vũ Đình Mười, 2017). Thực tế tỉ lệ người Khmer có chứng chỉ bằng cấp nghề nghiệp chỉ chiếm 7% (Ủy ban Dân tộc - Tổng cục Thống kê, 2020, tr. 11). Phỏng vấn tại điểm nghiên cứu cho thấy thu nhập làm thuê cao nhất chỉ ở mức 300.000 đồng/ngày, phần lớn dao động từ 100.000 - 200.000 đồng/ngày. Phỏng vấn trên địa bàn nghiên cứu cho thấy, làm công nhân ở các doanh nghiệp, xí nghiệp thì trình độ học vấn ảnh hưởng đến mức lương người lao động được nhận. Kỹ năng lao động cũng là nguyên nhân khiến mức thu nhập tại nhiều cơ sở lao động trên địa bàn tỉnh của người Khmer thấp hơn so với người Kinh.

- Các nhân tố văn hóa - xã hội

Các quan hệ hôn nhân, gia đình, dòng họ, bạn bè, láng giềng, tôn giáo tín ngưỡng,... là loại vốn đặc biệt quan trọng tạo nên mạng lưới xã hội cho những lao động đi làm thuê ở điểm nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu cho thấy, việc tìm kiếm cơ hội việc làm ở nơi khác ngoài thông tin từ chính quyền xã, qua phương tiện truyền thông thì một kênh vô cùng quan trọng là từ những người có kinh nghiệm đi làm thuê trước đó. Nhìn chung, tính cộng đồng của người Khmer rất cao nên khi đi làm ăn xa, họ thường tụ cư thành những khu vực riêng. Tuy nhiên, đặc tính cố kết cộng đồng, tín ngưỡng tôn giáo cũng gây không ít bất lợi cho người Khmer đi

làm thuê, làm công nhân ở các doanh nghiệp. Vào những dịp lễ tết truyền thống, họ xin nghỉ phép hoặc nghỉ việc hàng loạt; có nhiều trường hợp xin phép nghỉ không được, người lao động đã xin nghỉ việc hoặc bị đuổi việc. Điều này gây nhiều khó khăn cho cơ sở sử dụng lao động khi tuyển dụng người Khmer vào làm việc.

3. Các vấn đề đặt ra và khuyến nghị cho phát triển sinh kế bền vững ở người Khmer

- Về chính sách

Nhìn chung, việc thực hiện hiệu quả các chính sách, chương trình, dự án phụ thuộc vào các yếu tố chính như sau: (1) Mức độ phù hợp với thực tiễn ở địa phương hay không, cụ thể là những đặc thù về tự nhiên, kinh tế, xã hội và văn hóa tộc người; (2) Khả năng tổ chức, triển khai thực hiện và kiểm tra giám sát; (3) Khả năng của các đối tượng thụ hưởng chính sách. Đây đều là những vấn đề cần được quan tâm khi xây dựng, ban hành và triển khai có hiệu quả các chủ trương chính sách của Nhà nước. Theo cán bộ chuyên trách của các ngành Lao động - Xã hội, Nông nghiệp, Tài chính - Kế hoạch ở các cấp, nhìn chung hiện nay đang có quá nhiều chính sách ở địa bàn chồng chéo về nội dung và đối tượng, thiếu văn bản hướng dẫn, nhiều cơ quan tổ chức phối hợp, gây khó khăn lớn cho công tác tổ chức quản lý và thực hiện ở địa phương. Ngay bản thân cán bộ ở địa phương cũng phải thừa nhận không nhớ hết có những chính sách, chương trình, dự án cụ thể nào.

- Về các nguồn vốn sinh kế

Đối với người Khmer, đất đai, nhất là đất trồng lúa có vị trí cực kỳ quan trọng trong đời sống, bởi không chỉ là tư liệu sản xuất nền tảng của các nông hộ, mà còn là tài sản cơ bản, tiêu chí để phân biệt giàu nghèo và là biểu hiện quyền lực trong cộng đồng phum sóc nói chung. Tầm quan trọng của nông nghiệp, nhất là cây lúa, còn được phản ánh rõ nét qua tập quán cư trú, tín ngưỡng, nghi lễ và tri thức địa phương của người Khmer. Khảo sát tại bàn nghiên cứu, qua phỏng vấn hồi cố cho thấy, vào cuối những năm 1980, khi các tập đoàn sản xuất giải thể, nhiều hộ Khmer được chia đất trồng lúa và hoa màu (khoảng từ 3 - 5 công/hộ, tùy điều kiện đất đai từng nơi và nhân khẩu của hộ gia đình). Tuy nhiên, do khó khăn về đời sống, nhiều hộ đã bán, cầm cố và mất đất. Cũng có một số hộ vì chủ cũ là người đã góp đất vào tập đoàn trước kia đòi nên họ đã trả lại. Số hộ này lâm vào cảnh không còn đất canh tác.

Theo thực trạng đề cập ở trên, canh tác lúa vì nhiều nguyên nhân dẫn đến hiệu quả thất thường, lợi nhuận thu được thường thấp hơn so với các hoạt động sinh kế khác (điển hình là đi làm thuê), thậm chí có lúc mất trắng và thua lỗ. Những hộ ít đất, ít vốn khi mất mùa còn buộc phải cầm cố, sang nhượng lại đất, một số phải bán đất canh tác do vay nợ, chi tiêu cho đau ốm, tai nạn,... Thực tế này khiến số lượng hộ gia đình người Khmer không có đất sản xuất tăng lên gần đây, những hộ có đất canh tác đều thuộc hộ trung bình khá trở lên. Trước đây, người Khmer thường săn bắt hái lượm ở các khu vực hoang hóa, rừng tạp, rừng ven biển, kênh rạch,... Hoạt động này có vị trí quan trọng trong đời sống sinh kế, nhất là đối với những

hộ nghèo và trong thời kỳ giáp hạt. Tuy nhiên, hiện nay, do việc khai phá đất rừng để canh tác và nuôi trồng thủy sản làm diện tích này ngày càng thu hẹp lại, nhiều nơi không còn nữa. Cùng với việc khai thác quá mức các nguồn lợi tự nhiên, sử dụng quá nhiều hoá chất trong sản xuất nông nghiệp đã làm cho nguồn thủy hải sản ngày một cạn kiệt. Riêng ở huyện Trần Đề, việc xây dựng các cống nước lớn ngăn mặn, triều cường xâm nhập làm cho nước bị ứ đọng, hóa chất tồn dư, chất thải chăn nuôi không thoát được,... gây ô nhiễm môi trường đất và nguồn nước, tác động lâu dài đến sản xuất và sức khỏe của người dân nói chung. Như vậy, các vấn đề về môi trường tự nhiên ở địa phương không chỉ bị tác động lớn do biến đổi khí hậu mà còn bị ảnh hưởng bởi các hoạt động sản xuất và sinh hoạt của người dân. Do đó, cần phải có những chính sách, quy định pháp luật cụ thể để quản lý chặt chẽ tác động tiêu cực đến môi trường của các hoạt động này.

Đến nay, hầu hết các hộ gia đình nông thôn, vùng sâu ở Sóc Trăng đều được hưởng lợi từ những công trình hạ tầng giao thông nên thuận tiện trong đi lại và việc tiếp cận thông tin, thị trường dễ dàng hơn trước đây rất nhiều. Đây là động lực thúc đẩy hoạt động trao đổi, lưu thông hàng hóa, mở rộng thị trường đưa các sản phẩm trồng trọt đến nơi tiêu thụ trong và ngoài tỉnh. Hệ thống thủy lợi, tưới tiêu ngày càng hoàn thiện, cùng với công tác khuyến nông khuyến ngư, đào tạo tập huấn kỹ thuật được tăng cường, đã hỗ trợ đắc lực cho sản xuất của đồng bào. Các công trình trường học, trạm xá và bệnh viện, hệ thống chợ, nhà ở, điện nước sinh hoạt cũng có tác động lớn đến việc nâng cao đời sống sản xuất và sinh hoạt của người dân, trong đó có người Khmer. Bên cạnh đó, người Khmer nghèo còn được hỗ trợ và cho vay tiền để sửa chữa, xây dựng nhà ở, công trình vệ sinh, nước sạch,... Tuy nhiên, các chính sách đầu tư phát triển hạ tầng cũng mới chỉ tạo ra những điều kiện gián tiếp hoặc tối thiểu cho đời sống sinh hoạt của người dân. Hiện nay, phần lớn những hộ nghèo đều không có đất, chủ yếu làm thuê, di cư mùa vụ,... khiến việc hưởng dụng hiệu quả các công trình cơ sở hạ tầng, nguồn vốn gặp nhiều khó khăn.

Hộ gia đình người Khmer thường có thu nhập thấp, khả năng tích lũy để tái đầu tư rất hạn chế, do đó các nguồn vốn tín dụng của Nhà nước là nguồn lực tài chính có vai trò quan trọng trong việc phát triển sinh kế cho đồng bào. Qua điều tra cho thấy, nhiều hộ, thậm chí cả những hộ mà chủ hộ không biết chữ, không biết làm thủ tục vay vốn đều được các đoàn thể đứng ra trợ giúp tiếp cận các nguồn vốn vay tín chấp. Các tổ chức này thực sự là nhân tố hỗ trợ đắc lực đối với việc tiếp cận vốn của bà con. Đối tượng vay vốn được mở rộng, không chỉ người nghèo mà cho cả những hộ cận nghèo, các hộ kinh doanh thông thường. Các nguồn vốn này đang có tác động lớn đến phát triển sinh kế của nhiều hộ gia đình Khmer ở địa phương, nhất là đối với những hộ tham gia các mô hình sản xuất, theo các dự án.

Trong các nguồn vốn, vốn con người có vị trí quyết định đến việc sử dụng các nguồn vốn khác trong sinh kế nói chung. Trong đó, học vấn, kỹ năng ngành nghề và sức khỏe thể chất là hai thành phần cơ bản của nguồn vốn con người. Nghiên cứu cho thấy việc tiếp cận giáo dục của người Khmer, nhất là người nghèo, còn nhiều hạn chế. Do điều kiện sinh sống,

làm ăn khó khăn, kiến thức và tầm hiểu biết có hạn nên hiệu quả tiếp cận với hệ thống giáo dục còn thấp. Con em của họ thường có trình độ học vấn rất thấp, thường là tiểu học hoặc bỏ học ở bậc học này. Bản thân hộ nghèo biết chữ rất ít, thậm chí là mù chữ. Ngoài ra, phần lớn những người trong diện này là lao động nghèo, không có đất hoặc ít đất sản xuất nên phải đi làm thuê kiếm sống, việc làm không ổn định. Vì thế, họ thường ít quan tâm đến việc học chữ, học nghề cho cả bản thân và các thành viên trong gia đình. Đây là vấn đề cần được quan tâm hơn nữa.

Qua khảo sát các điểm nghiên cứu cho thấy, rủi ro về sức khỏe là một trong những nguyên nhân nghiêm trọng khiến nhiều hộ gia đình rơi vào đói nghèo, vì tai nạn, ốm đau bệnh tật, nhất là những bệnh hiểm nghèo, bệnh kinh niên, tai nạn không chỉ là gánh nặng về chi phí mà còn làm thiếu hụt nguồn lao động trong các hộ gia đình. Do đó, chính sách y tế, bảo hiểm y tế có tầm quan trọng đặc biệt, không chỉ đối với hộ nghèo mà cả những hộ cận nghèo và trung bình.

Đặc điểm cư trú tập trung, quan hệ họ hàng thân thuộc, tập quán sinh hoạt tôn giáo, tín ngưỡng, tư tưởng Phật giáo và canh tác nông nghiệp của người Khmer giúp cho việc tương trợ lẫn nhau trong quan hệ sản xuất và tạo nên sự cố kết cộng đồng tộc người bền chặt. Tuy nhiên, điều đó cũng gây ra những bất lợi khi họ tham gia vào quá trình hội nhập xã hội và thị trường, đi làm ăn xa, đi làm thuê, làm công nhân,...; hoặc ảnh hưởng đến ý thức kỷ luật lao động, gây khó khăn cho người sử dụng lao động. Ngoài ra, bà con còn có tâm lý e ngại khi tham gia buôn bán, kinh doanh dịch vụ (nhất là ở lớp người trung niên, cao tuổi), tham gia các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội (ngoài Hội Nông dân),... Các đặc điểm văn hóa - xã hội này đang là những nhân tố gây ít nhiều bất lợi cho việc hòa nhập của người Khmer ở địa phương vào thị trường để phát triển sinh kế.

- Về thị trường

Giá cả thị trường biến động cũng là nhân tố tác động lớn đến đời sống sinh kế của người Khmer, đặc biệt là những hộ nghèo, làm ăn cá thể, tự phát. Đó là việc trượt giá vật tư sản xuất (giống, thức ăn chăn nuôi, thuốc phòng và diệt trừ sâu bệnh,...); bị ép giá vật tư đầu vào do thiếu tiền mặt nên phải mua chịu và bán lúa non với điều kiện phải chấp nhận mức giá tư thương đặt ra; giá thuê nhân công lao động ngày càng tăng,... Những nhân tố này khiến chi phí sản xuất tăng cao, hiệu quả thấp, lợi nhuận thu về không đáng kể.

Để hạn chế các tác động bất lợi của thị trường, cần quản lý giá cả, đảm bảo chất lượng vật tư sản xuất, thông tin thị trường kịp thời, phát triển mạng lưới khuyến nông khuyến ngư cung cấp vật tư, kỹ thuật cho các hộ gia đình Khmer; liên kết với doanh nghiệp, phát triển các mô hình sản xuất (như trường hợp nuôi bò, lúa cao sản ở xã Tham Đôn),... để giúp cho bà con yên tâm sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm và thu nhập, đảm bảo đời sống sinh kế.

- Về vấn đề biến đổi khí hậu

Dưới tác động của biến đổi khí hậu, những năm gần đây, tỉnh Sóc Trăng chịu ảnh hưởng nặng nề của xâm nhập mặn vào đất sản xuất nông nghiệp, xâm lấn mặn vào hệ thống kênh

mương thủy lợi,... làm quỹ đất sản xuất bị thu hẹp. Thời gian nắng nóng, khô hạn kéo dài, càng làm cho xâm nhập mặn lấn sâu vào nội đồng và nguồn nước mặt trên các kênh/rạch. Do ảnh hưởng của nhiễm mặn, tình trạng thiếu nước tưới cho cây trồng cũng trở nên trầm trọng. Vì vậy, việc liên kết giữa các vùng, các khu vực trong chia sẻ và sử dụng nguồn nước mặt vào các hoạt động sản xuất là yếu tố quan trọng. Thời tiết là yếu tố có ảnh hưởng lớn đến trồng trọt và chăn nuôi. Thời gian gần đây thời tiết ngày càng khắc nghiệt, tình hình thiên tai diễn biến phức tạp gây khó khăn cho sản xuất và sinh hoạt của người dân địa phương. Do đó, công tác dự báo chính xác kịp thời, chuẩn bị ứng phó với những diễn biến thời tiết bất thường có vai trò quan trọng trong việc giảm thiểu những tác hại do thời tiết gây ra ở địa phương.

Kết luận

Tình trạng nghèo và bất ổn sinh kế là vấn đề nổi lên ở cộng đồng người Khmer tỉnh Sóc Trăng. Việc không có đất, ít đất, thiếu kỹ năng ngành nghề, trình độ học vấn thấp khiến sự PTSKBV của đồng bào gặp nhiều thách thức. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến thực trạng này. Các nhân tố tác động chính đến các nguồn sinh kế của người Khmer được phân tích ở trên bao gồm các chính sách, chương trình dự án; các nhân tố tự nhiên; biến động thị trường hàng hóa; các cú sốc hay rủi ro.

Những năm qua, tỉnh Sóc Trăng đã triển khai nhiều chính sách, chương trình, dự án khác nhau về kinh tế - xã hội. Trong đó có nhiều chính sách đặc thù hướng tới phát triển, nâng cao đời sống, nhất là về sinh kế cho đồng bào dân tộc người Khmer. Tuy nhiên, hiện vẫn còn nhiều hạn chế trong việc thực hiện các chính sách nêu trên ở địa phương. Điều đáng lưu ý là việc triển khai chương trình, dự án ảnh hưởng trực tiếp tới các hộ gia đình người Khmer, nhất là các chương trình vay vốn tín dụng nhằm phát triển sinh kế, cải thiện đời sống sinh hoạt còn kém hiệu quả. Biến động giá cả thị trường cũng là một nhân tố có tác động lớn đến đời sống sinh kế của người Khmer ở địa phương, đặc biệt là những hộ nghèo, làm ăn cá thể, tự phát. Trừ số ít địa phương thực hiện các mô hình sản xuất như lúa - tôm, lúa cao sản, chăn nuôi bò sữa được tổ chức và đầu tư bài bản từ đầu vào đến đầu ra, còn lại phần lớn đều sản xuất tự phát, thiếu định hướng, dễ bị tác động bởi sự bất ổn của thị trường. Cũng như các địa phương khác ở ĐBSCL, tỉnh Sóc Trăng đã và đang phải đối mặt với những diễn biến cực đoan của biến đổi khí hậu, điều này đã gây rất nhiều khó khăn cho phát triển sản xuất, PTSKBV, nhất là trồng trọt, chăn nuôi thủy hải sản và đời sống sinh hoạt của người dân, trong đó có người Khmer.

Điều quan ngại nhất trong PTSKBV của người Khmer là trình độ học vấn và kỹ năng lao động nghề nghiệp của đồng bào. Trình độ học vấn và kỹ năng lao động thấp là rào cản lớn nhất trong việc tham gia sâu rộng hơn của người Khmer vào dòng chảy kinh tế chung của vùng, của đất nước để đa dạng hóa hoạt động sinh kế và thu nhập, nhất là các hoạt động kinh tế phi nông nghiệp. Các đặc điểm văn hóa - xã hội đặc thù của người Khmer, nhất là quan niệm, tập quán tôn giáo, tín ngưỡng, tập quán chi tiêu cho các lễ nghi, sự kiện xã hội cũng là một trong những nhân tố có tác động không nhỏ đến sinh kế bền vững của người Khmer ở tỉnh Sóc Trăng.

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2016), *Kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng cho Việt Nam*, Nxb. Tài nguyên môi trường và Bản đồ, Hà Nội.
2. Chambers, R. & G. R. Conway (1992), “Sustainable rural livelihoods: practical concepts for the 21st century,” *IDS Discussion Paper* No. 296, London, Institute of Development studies.
3. DFID (1999), *Sustainable Livelihoods Guidance Sheets*, London, DFID Handbook.
4. Nguyễn Thị Lan Hương (Chủ biên, 2014), *An sinh xã hội đối với các dân tộc thiểu số ở Việt Nam*, Nxb. Thế giới, Hà Nội.
5. Ngô Thị Phương Lan (2013), “Bất ổn sinh kế và di cư lao động của người Khơ-me ở đồng bằng sông Cửu Long”, *Tạp chí Dân tộc học*, số 4, tr. 11-21.
6. Vũ Đình Mười (2017), “Dân tộc Khơ-me”, trong Vương Xuân Tình chủ biên: *Các dân tộc ở Việt Nam*, Tập 3: *Nhóm ngôn ngữ Môn - Khơ-me*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
7. Vũ Đình Mười, Nguyễn Thị Thu Trang (2022), “Một số vấn đề tổng quát về nghiên cứu sinh kế tộc người”, trong Viện Dân tộc học: *Phát triển sinh kế bền vững của các tộc người ở nước ta hiện nay* (Kỷ yếu Hội nghị Khoa học Quốc gia năm 2022), Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
8. Sơn Nam (1997), *Đồng bằng sông Cửu Long nét sinh hoạt xưa*, Nxb. Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.
9. Nguyễn Công Thảo (2019), *Tri thức tộc người trong việc ứng phó với biến đổi khí hậu của người Kinh và Khmer ở tỉnh Cà Mau*, Báo cáo tổng hợp đề tài cấp Bộ, Viện Dân tộc học, Hà Nội.
10. Tổng cục Thống kê (2020), *Kết quả toàn bộ: Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019*, Nxb. Thống kê, Hà Nội.
11. Ủy ban Dân tộc - Tổng cục Thống kê (2020), *Đặc trưng cơ bản của 53 dân tộc thiểu số năm 2019*, Nxb. Thống kê, Hà Nội.
12. Phạm Thị Cẩm Vân (2018), “Kinh nghiệm sản xuất nông nghiệp của người dân ở tỉnh Cà Mau nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu”, *Tạp chí Dân tộc học*, số 2, tr. 77-87.